

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1333/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 29-10-2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Thành Viên

Bà Trương Thị Hồng Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Hoài- Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 543/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh N; địa chỉ: Số 125, đường số 4, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hữu L; địa chỉ: số 164 đường Minh Lang, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc tranh chấp nuôi con chung và tài sản chung ( văn bản ủy quyền ngày 30/5/2019).

*Bị đơn:* Ông Bùi Ngọc Phương H; địa chỉ: Số 10/31A Tú Mỡ, phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý ngày 06/5/2019 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh N và người đại diện hợp pháp trình bày:*** Bà N và ông H kết hôn năm 2006. Tuy nhiên ngay sau khi kết hôn, ông H vi phạm pháp luật và phải chấp hành hình phạt tù từ năm 2007 đến năm 2019. Do vậy, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, ngày 29/5/2018 bà N và ông H ký đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn với nội dung: Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu Tòa án quận Gò Vấp công nhận thuận tình ly hôn, về con chung: thống nhất giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung: đôi bên xác nhận không có tài

sản chung. Nay nhận thấy không còn yêu thương và mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn nên bà N cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà N và ông H có con chung tên Bùi Nguyễn Minh A sinh ngày 04/8/2007. Trong suốt thời gian ông H chấp hành hình phạt tù từ năm 2007 đến năm 2019, bà N cùng gia đình đã trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh A phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Bùi Nguyễn Minh A và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, bà N có đơn yêu cầu yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Lê Hữu L; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc tranh chấp nuôi con chung và tài sản chung (văn bản ủy quyền ngày 30/5/2019) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và xác định bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

**Bị đơn ông Bùi Ngọc Phương H trình bày:** Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 29/5/2018 và tại đơn đề nghị ngày 01/6/2018, ông H yêu cầu Tòa án nhân dân Gò Vấp công nhận thuận tình ly hôn, về con chung: thống nhất giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung: không có tài sản chung.

Tại biên bản tự khai ngày 23/5/2019, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/5/2019, ông H xác định: Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu thuận tình ly hôn; về con chung: yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Bùi Nguyễn Minh A sinh ngày 04/8/2007, về tài sản: ông H xác định do yêu cầu giải quyết về tài sản ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác để giải quyết vấn đề tài sản với nguyên đơn.

Ngày 02/7/2019, ông H nộp đơn đề nghị rút đơn thuận tình ly hôn với nội dung: không đồng ý ly hôn vì chưa giải quyết xong việc tranh chấp nuôi con.

Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu.

Ông H xác định từ chối Luật sư Nguyễn Năng Quang – Văn phòng Luật sư Tâm Nguyên Luật thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh bảo vệ quyền lợi.

Đại diện VKSND quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bà N yêu cầu ly hôn với ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến tham gia phiên tòa vào ngày 02/10/2020 và ngày 29/10/2020, tuy nhiên nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/5/2019, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Bùi Ngọc Phương H. Ngày 02/7/2019, ông H nộp đơn đề nghị rút đơn thuận tình ly hôn, bà N giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Căn cứ khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết việc dân sự yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thụ lý vụ án hôn nhân gia đình để giải quyết theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/8/2006 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Bùi Ngọc Phương H là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh N: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản ghi nhận lời khai và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đôi bên kết hôn ngày 03/8/2006. Theo giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù của Trại giam Tân Lập số 434/GCN ngày 13/5/2019 thể hiện bị đơn bị bắt ngày 13/4/2007 vì tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thi hành xong hình phạt tù ngày 13/5/2019. Như vậy, cuộc sống gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn chỉ được duy trì 8 tháng. Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 29/5/2018, đơn đề nghị ngày 01/6/2018, biên bản tự khai ngày 23/5/2019, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/5/2019, bị đơn xác định yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, động viên đoàn tụ để hàn gắn tình cảm nhưng nguyên đơn không đồng ý, cương quyết yêu cầu ly hôn. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà N yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Nguyễn Minh A sinh ngày 04/8/2007, HĐXX xét thấy:

Bị đơn bị bắt ngày 13/4/2007 trước khi sinh trẻ Minh A. Trong suốt hơn 12 năm, bị đơn chấp hành hình phạt tù, trẻ Minh A do nguyên đơn cùng gia đình bà N

trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 13/5/2019, đơn nguyện vọng ngày 29/5/2019 thể hiện, trẻ Minh A xác định được mẹ nuôi dưỡng trong điều kiện tốt và mong muốn được bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi xem xét tổng thể điều kiện, khả năng nuôi dưỡng con chung của hai đương sự, HĐXX xét thấy: Từ năm 2007 cho đến nay, trẻ Minh A do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng trong điều kiện tốt, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Trẻ Minh A thể hiện rõ nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Vì vậy, để bảo đảm duy trì cuộc sống ổn định, sự phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần của trẻ, HĐXX quyết định chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: giao trẻ Bùi Nguyễn Minh A sinh ngày 04/8/2007 cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Nguyên đơn có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 29/5/2018, đơn đề nghị ngày 01/6/2018, bị đơn xác định không có tài sản chung. Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/5/2019 ông H xác định do yêu cầu giải quyết về tài sản ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác để giải quyết vấn đề tài sản với nguyên đơn.

Do vậy, yêu cầu phản tố phân chia tài sản chung của ông H được yêu cầu tại phiên tòa là vi phạm thời hạn yêu cầu phản tố được quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự: “ Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải” và vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung của bị đơn

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án, HĐXX thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã đánh giá chứng cứ toàn diện và phân tích đúng nội dung của vụ án nên HĐXX chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 3 Điều 200, Điều 220, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278, khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh N

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với ông Bùi Ngọc Phương H

Về con chung: Giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Nguyễn Minh A sinh ngày 04/8/2007. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi Ngọc Phương H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội Liên hiệp Phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà N phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000609 ngày 06/05/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND Tp.HCM
- VKSND Q.Gò Vấp
- THA DS Q.Gò Vấp
- Đương sự
- Lưu

**Nguyễn Hoàng Linh**